TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 14

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 2 295 832 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 2 200 000 **B.** 2 000 000 **C.** 2 300 000 **D.** 2 400 000

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong số 751 283, chữ số 1 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. hàng chục nghìn, lớp nghìn **B.** hàng trăm, lớp đơn vị

C. hàng nghìn, lớp triệu **D.** hàng nghìn, lớp nghìn

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số chẵn bé nhất có 5 chữ số khác nhau là:

A. 10 000 **B.** 10 233 **C.** 10 234 **D.** 10 236

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 4 996 918, 9 946 918, 4 997 918, 9 946 908 là:

A. 9 946 918 **B.** 9 946 908 **C.** 4 997 918 **D.** 4 996 918

Câu 5. *(0,5 điểm)* Một hội trường có 7 hàng ghế, mỗi hàng 30 ghế, người ta kê thêm 52 ghế nhựa. Có 188 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 22 **B.** 74 **C.** 262 **D.** 126

Câu 6. *(0,5 điểm)* Với m = 2693, n = 2492, p = 1063 thì giá trị biểu thức m − n + p là:

A. 264 **B.** 1364 **C.** 1264 **D.** 4122

Câu 7. *(0,5 điểm)* Năm 1966 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XXI **B.** thế kỉ XIX **C.** thế kỉ XVIII **D.** thế kỉ XX

Câu 8. *(0,5 điểm)* Góc có số đo 160° là:

A. góc nhọn **B.** góc vuông **C.** góc bẹt **D.** góc tù

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho dãy số: 12, 19, 26, 33, ……, 243. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 22 của dãy là: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Cho các số: 204 953, 304 935, 254 930, 204 935, 240 935.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 3845 + 606 + 394 = ……

b) 4907 + 2372 − 907 = ……

c) 652 + 4391 + 48 = ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 tấn 30 kg = ……. kg

b) 7 tạ = ……. yến

c) 8 m^2 93 dm^2 = ……. dm^2

d) 5 phút 27 giây = ……. giây

Câu 13. *(1 điểm)* Một hình thoi có chu vi 56 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Độ dài cạnh hình thoi: ……. cm

b) Chu vi hình vuông có cạnh bằng cạnh hình thoi: ……. cm

c) Diện tích hình vuông đó: ……. cm^2

Câu 14. *(1 điểm)* Một cửa hàng có 26 thùng sữa, mỗi thùng 17 hộp. Cửa hàng đã bán 174 hộp, số hộp còn lại xếp đều vào 4 kệ. Hỏi mỗi kệ có bao nhiêu hộp sữa?

a) Cửa hàng có: ……. hộp

b) Còn lại: ……. hộp

c) Mỗi kệ có: ……. hộp

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 14

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	C	A	B	C	D	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) (243 − 12) : 7 + 1 = 34 (số)

b) 12 + (22 − 1) × 7 = 159

Câu 10.

a) 304 935, 254 930, 240 935, 204 953, 204 935

b) 304 935 − 204 935 = 100 000

Câu 11.

a) 3845 + (606 + 394) = 3845 + 1 000 = 4845

b) (4907 − 907) + 2372 = 4000 + 2372 = 6372

c) (652 + 48) + 4391 = 700 + 4391 = 5091

Câu 12.

a) 6000 + 30 = 6030

b) 1 tạ = 10 yến: 70

c) 800 + 93 = 893

d) 5 × 60 + 27 = 327

Câu 13.

a) 56 : 4 = 14 (cm)

b) 14 × 4 = 56 (cm)

c) 14 × 14 = 196 (cm²)

Câu 14.

Có: 26 × 17 = 442 (hộp)

Còn lại: 442 − 174 = 268 (hộp)

Mỗi kệ: 268 : 4 = 67 (hộp)